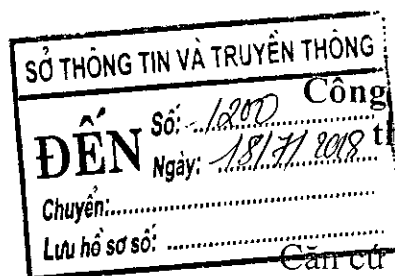


Số: 189/BC-UBND

Lai Châu, ngày 13 tháng 7 năm 2018



BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ 6, về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi NSĐP và phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 1574/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2018; Số 1575/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018.

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2018

1. Về thực hiện dự toán thu NSĐP

Tổng nguồn thu NSNN trên địa bàn: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.532.000 triệu đồng, tăng 30% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017 (Bao gồm: Thu cân đối NSNN trên địa bàn: Ước thực hiện 6 tháng là 862.000 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2017; thu chuyển nguồn là: 1.670.000 triệu đồng). Chi tiết cụ thể như sau:

b) Tổng thu NSNN trên địa bàn: Tổng thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện 6 tháng là 862.000 triệu đồng, đạt 44% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2017; bao gồm:

- Thu nội địa: Ước thực hiện 6 tháng là 842.000 triệu đồng, đạt 43% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2017; trong đó:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước do TW quản lý: Ước thực hiện 6 tháng là 400.000 triệu đồng, đạt 35% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân đạt thấp do một số tháng đầu năm vào mùa khô, trữ lượng nước lòng hồ tại các nhà máy thủy điện trên địa bàn đạt thấp, do đó hiệu suất phát máy của các nhà máy thủy điện không phát được mức tối đa.

+ Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 6 tháng là 2.500 triệu đồng, tăng 25% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 74% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý: Ước thực hiện 6 tháng là 6.500 triệu đồng, đạt 68% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 94% so với cùng kỳ năm 2017. Khoản thu này đạt khá do một số khoản thu phát sinh từ các doanh nghiệp phải nộp năm 2017 chuyển sang năm 2018.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 6 tháng là 94.500 triệu đồng, đạt 30% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2017. Khoản thu đạt thấp do nguồn vốn đầu tư mới giao kế hoạch, một số công trình, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện năm 2018.

+ Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 6 tháng là 26.500 triệu đồng, đạt 47% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 6 tháng là 14.500 triệu đồng, đạt 60% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2017. Thuế thu nhập cá nhân đạt khá do phát sinh chủ yếu từ hoạt động chuyển nhượng nhà, đất trên địa bàn.

+ Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 6 tháng là 50.800 triệu đồng, đạt 55% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Các khoản thu từ phí, lệ phí: Ước thực hiện 6 tháng là 42.000 triệu đồng, đạt 65% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93% so với cùng kỳ năm 2017. Các khoản thu từ phí, lệ phí đạt tỷ lệ khá cao chủ yếu từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

+ Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 6 tháng là 75.000 triệu đồng, đạt 53% với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 66% so với cùng kỳ năm 2017. Tiến độ thu tiền sử dụng đất đạt khá so với dự toán HĐND tỉnh giao do phát sinh nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn thành phố Lai Châu và các huyện Mường Tè, Tam Đường, Tân Uyên.

+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 6 tháng là 4.000 triệu đồng, đạt 57% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 47% so với cùng kỳ năm 2017, khoản thu này phát sinh chủ yếu tại thành phố Lai Châu.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thực hiện 6 tháng là 95.000 triệu đồng, tăng 11 lần so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 45 lần so với cùng kỳ năm trước. Do thực hiện tốt công tác đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản thu về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nợ đọng từ các năm trước và thu từ cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

+ Thu khác ngân sách: Ước thực hiện 6 tháng là 16.600 triệu đồng, đạt 42% so với HĐND tỉnh giao và bằng 77% với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân số thu khác ngân sách đạt được là do làm tốt công tác đôn đốc các cơ quan đơn vị thực hiện các kết luận của Thanh tra, kiểm toán; thu xử phạt vi phạm hành chính và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

+ Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích: Ước thực hiện 6 tháng là 100 triệu đồng, đạt 14% so với dự toán Trung ương giao, đạt 13% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 14% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Thu Xổ số kiến thiết: Ước thực hiện 6 tháng là 14.000 triệu đồng, đạt 54% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước thực hiện 6 tháng là 20.000 triệu đồng, tăng 2 lần so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6,87 lần so với cùng kỳ năm trước. Khoản thu này tăng cao chủ yếu từ hoạt động nhập khẩu các máy móc, thiết bị để lắp máy cho các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh.

b) Thu NSDP hưởng theo phân cấp: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 740.500 triệu đồng, đạt 40% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Về thực hiện dự toán chi NSDP: Tổng chi NSDP ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 3.649.000 triệu đồng, đạt 47% so với HĐND tỉnh giao, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể như sau:

a) Chi cân đối NSDP: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.508.800 triệu đồng, đạt 43% so với HĐND tỉnh giao, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 6 tháng là 374.500 triệu đồng, đạt 49% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 71% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện 6 tháng là 2.134.300 triệu đồng, đạt 43% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

+ Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: Ước thực hiện 6 tháng là 1.015.000 triệu đồng, đạt 45% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi sự nghiệp Y tế: Ước thực hiện 6 tháng là 235.267 triệu đồng, đạt 37% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 88% so với cùng kỳ năm trước;

+ Chi sự nghiệp khoa học & công nghệ: Ước thực hiện 6 tháng là 4.086 triệu đồng, đạt 49% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 27% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi thực hiện dự án chương trình MTQG và một số chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: Ước thực hiện 6 tháng là 1.070.000 triệu đồng (đã bao gồm giải ngân từ nguồn chuyển nguồn), đạt 59% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 74% so với cùng kỳ năm trước.

c) Chi trả nợ gốc từ bội thu ngân sách địa phương: Ước thực hiện là 68.700 triệu đồng.

d) Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách: Ước thực hiện là 1.500 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01, 02, 03 kèm theo).

II. Đánh giá chung tình hình thu, chi NSDP 6 tháng năm 2018

1. Về thu ngân sách

Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 44% chưa đảm bảo chỉ tiêu so với Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Địa phương đã chủ động triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế (kết quả thu hồi nợ đọng thuế tính đến ngày 30/6/2018 là 90.193 triệu đồng chiếm khoảng 10% tổng số thu phát sinh trên địa bàn), do đó cơ bản các sắc thuế đều đạt và vượt chỉ tiêu. Tuy nhiên, một số sắc thuế chiếm tỷ trọng lớn đạt thấp như thu từ DNNN do Trung ương quản lý và thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc

doanh nên phần nào đã ảnh hưởng đến tổng số thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm trên địa bàn.

2. Về chi ngân sách

- Các ngành, các cấp được giao nhiệm vụ chủ đầu tư đã thực hiện khá tốt các quy định về quản lý đầu tư trong việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thu hồi tạm ứng vốn XDCB theo quy định.

- Các đơn vị dự toán và UBND các huyện, thành phố đã nghiêm túc triển khai thực hiện dự toán năm 2018 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật. Thực hiện phân bổ, thẩm định dự toán cho các đơn vị trực thuộc. Chấp hành dự toán được giao, chi trả kịp thời, đầy đủ các khoản chi cho con người nhất là chi trả các chế độ, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo chi tiêu tiết kiệm chi để thực hiện cải cách tiền lương.

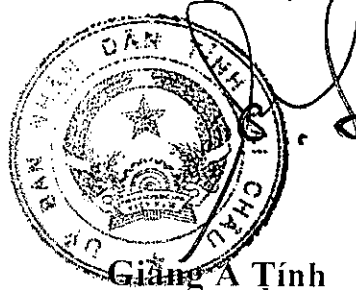
Hầu hết các cấp, các ngành đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhất là các khoản chi thường xuyên như: chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, động thổ, khởi công, khánh thành công trình, công tác phí trong nước và đi công tác nước ngoài từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tỉnh



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.950.000	2.532.000	130%	112%
I	Thu cân đối NSNN	1.950.000	862.000	44%	127%
1	Thu nội địa	1.940.000	842.000	43%	124%
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	10.000	20.000	200%	0%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.670.000	0%	106%
B	TỔNG CHI NSDP	7.728.775	3.649.000	47%	124%
I	Chi cân đối NSDP	5.851.089	2.508.800	43%	113%
1	Chi đầu tư phát triển	769.420	374.500	49%	171%
2	Chi trả nợ lãi	300	0	0%	0%
3	Chi thường xuyên	4.924.629	2.134.300	43%	107%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0%	0%
5	Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	44.970	0	0%	0%
6	Dự phòng ngân sách	110.770	0	0%	0%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.798.986	1.070.000	59%	174%
1	Chi thực hiện dự án chương trình MTQG	450.419	150.000	33%	104%
2	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	1.348.567	920.000	68%	195%
III	Chi trả nợ gốc từ bội thu NSDP	68.700	68.700	100%	0%
IV	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách	10.000	1.500	15%	0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.950.000	862.000	44%	127%
I	Thu nội địa	1.940.000	842.000	43%	124%
1	Thu từ DNNN do trung ương quản lý	1.150.000	400.000	35%	115%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	2.000	2.500	125%	74%
3	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	9.500	6.500	68%	94%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	316.700	94.500	30%	98%
5	Lệ phí trước bạ	56.000	26.500	47%	93%
6	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	14.500	60%	110%
7	Thuế bảo vệ môi trường	92.000	50.800	55%	108%
-	Ngân sách trung ương hưởng	57.800	31.900	55%	0%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	34.200	18.900	55%	106%
8	Thu phí, lệ phí	65.000	42.000	65%	93%
-	Ngân sách trung ương hưởng	2.500	1.500	60%	114%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	53.850	34.500	64%	95%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	8.650	6.000	69%	80%
9	Thu tiền sử dụng đất	142.500	75.000	53%	166%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	42.750	22.500	53%	166%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	99.750	52.500	53%	166%
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.000	4.000	57%	47%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	8.500	95.000	1118%	4511%
-	Ngân sách trung ương hưởng	5.180	65.000	1255%	0%
-	Ngân sách địa phương hưởng	3.320	30.000	904%	1425%
12	Thu khác ngân sách	40.000	16.600	42%	77%
-	Ngân sách trung ương hưởng	5.500	3.100	56%	86%
-	Ngân sách tỉnh hưởng	20.800	8.000	38%	62%
-	Ngân sách huyện, thành phố hưởng	13.700	5.500	40%	110%
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	800	100	13%	14%
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	26.000	14.000	54%	116%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	10.000	20.000	200%	687%
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG	1.869.020	740.500	40%	115%
1	Từ các khoản thu phân chia	37.520	46.164	123%	259%
-	Thuế bảo vệ môi trường	34.200	18.900	55%	106%
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.320	27.264	821%	
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	1.831.500	694.336	38%	111%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu)



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	7.728.775	3.649.000	47%	124%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	5.851.089	2.508.800	43%	113%
I	Chi đầu tư phát triển	769.420	374.500	49%	171%
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	540.920	305.000	56%	157%
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.500	50.000	35%	0%
3	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	26.000	19.500	75%	353%
4	Chi từ nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao	60.000	0	0%	0%
II	Chi trả nợ lãi	300	0	0%	0%
III	Chi thường xuyên	4.924.629	2.134.300	43%	107%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	579.958	217.651	38%	126%
2	Chi giáo dục - đào tạo	2.244.944	1.015.000	45%	108%
3	Chi sự nghiệp y tế	642.113	235.267	37%	88%
4	Chi khoa học và công nghệ	8.263	4.086	49%	27%
5	Chi sự nghiệp Văn hóa - TT, thể dục - thể thao	73.113	22.940	31%	110%
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	48.328	18.000	37%	92%
7	Chi bảo đảm xã hội	73.067	35.046	48%	92%
8	Chi quản lý hành chính	594.289	250.173	42%	102%
9	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	144.372	112.967	78%	143%
10	Chi ngân sách xã	476.669	200.000	42%	106%
11	Chi khác ngân sách	39.513	23.170	59%	217%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0%	0%
V	Chênh lệch tăng thu giữa dự toán TW giao với dự toán địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi	44.970	0	0%	0%
VI	Dự phòng ngân sách	110.770	0	0%	0%
B	CHI THỰC HIỆN DỰ ÁN CT MTOG	450.419	150.000	33%	104%
C	CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC	1.348.567	920.000	68%	195%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BỒI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	68.700	68.700	100%	59%
E	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH	10.000	1.500	15%	0%

www.scantopdf.com